

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

---

## NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 29
Phụ lục	30 – 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HDQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

#### **Tên chi nhánh**

#### **Địa chỉ**

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội  
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP .Hà Nội

### **SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG NĂM**

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: Rút hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ ngày 17/05/2022, Hội đồng quản trị đã quyết định thông qua việc rút hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ để mua sản phẩm thương mại Chợ Mơ của Công ty CP đầu tư trung tâm thương mại Vina.

Công ty đã gửi văn bản số 2205/2023/CV-DST ngày 22/05/2023 kèm theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 2404/2023/NQ-HDQT ngày 24/4/2023 về việc dừng triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 số 0509/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/9/2022 và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước gửi công văn số 3350/UBCK-QLCB ngày 06/06/2023 thông báo đã nhận được hồ sơ.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 02/01/2024, Công ty có bổ nhiệm Bà Trịnh Thị Duyên giữ chức vụ phụ trách kế toán Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Ông Đoàn Văn Cường.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty, Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm, ngày 12/01/2023
Ông Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm, ngày 12/01/2023
		Miễn nhiệm, ngày 02/01/2024
Bà Trịnh Thị Duyên	Phụ trách kế toán	Bỏ nhiệm, ngày 02/01/2024

**Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 24/04/2023
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	Bỏ nhiệm, ngày 24/04/2023

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
(Đại diện Pháp luật)



**Nguyễn Đức Hiếu**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Số : 185 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2023  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024*



**Kiểm toán viên**



**Hoàng Kim Thùy**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số: 1464 – 2023 – 133 – 1*

**Nguyễn Thị Nam Hải**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số: 4003 – 2022 – 133 – 1*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>56.427.409.537</b>	<b>27.448.215.531</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>971.434.937</b>	<b>1.857.465.888</b>
111	1. Tiền		971.434.937	1.857.465.888
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4.a	<b>1.528.381.800</b>	<b>1.759.954.800</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.011.980.754	5.011.980.754
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(3.483.598.954)	(3.252.025.954)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>49.359.783.139</b>	<b>21.767.910.975</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.133.473.809	5.531.603.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	43.324.175.227	82.532.641
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	16.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	105.339.735	199.200.114
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(203.205.632)	(45.425.632)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>4.392.993.588</b>	<b>2.002.703.003</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.392.993.588	2.654.043.094
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(651.340.091)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>174.816.073</b>	<b>60.180.865</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	11.357.500	700.003
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		122.317.763	59.480.862
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	41.140.810	-
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>366.045.637.702</b>	<b>385.559.914.370</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.706.473.539</b>	<b>3.413.606.770</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.706.473.539	3.413.606.770
222	- Nguyên giá		4.329.998.958	3.886.947.140
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(623.525.419)	(473.340.370)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4.b	<b>362.317.738.235</b>	<b>382.007.070.167</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		306.317.738.235	302.007.070.167
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	80.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.425.928</b>	<b>139.237.433</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.425.928	53.401.041
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	85.836.392
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>422.473.047.239</b>	<b>413.008.129.901</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.334.538.754</b>	<b>17.349.241.699</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>25.319.254.936</b>	<b>17.349.241.699</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.841.706.859	3.900.784.746
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.612.981	24.672.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.059.337.222	12.211.041.870
314	4. Phải trả người lao động		128.351.997	227.999.832
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		214.476.164	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	298.730.023	984.743.182
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	12.600.000.000	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.283.818</b>	<b>-</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		15.283.818	-
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>397.138.508.485</b>	<b>395.658.888.202</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>397.138.508.485</b>	<b>395.658.888.202</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.160.319.229	72.680.859.437
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		72.616.514.491	40.741.524.696
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.543.804.738	31.939.334.741
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.063.719	9.903.228
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>422.473.047.239</b>	<b>413.008.129.901</b>

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Trịnh Thị Duyên

Trịnh Thị Duyên

Nguyễn Đức Hiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	53.678.207.947	49.839.284.204
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		53.678.207.947	49.839.284.204
11	4. Giá vốn hàng bán	20	51.097.938.294	47.190.653.127
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		2.580.269.653	2.648.631.077
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.850.572.706	57.471.799.457
22	7. Chi phí tài chính	22	16.527.421.317	13.211.305.348
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		214.476.164	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		145.668.068	34.581.293
25	9. Chi phí bán hàng	23	534.764.730	243.606.275
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.982.414.236	3.905.833.670
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		2.531.910.144	42.794.266.534
31	12. Thu nhập khác	25	40.972.728	1.413.727.705
32	13. Chi phí khác	26	419.217.517	171.998.914
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(378.244.789)	1.241.728.791
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		2.153.665.355	44.035.995.325
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		508.579.916	12.181.894.560
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		101.120.210	(85.836.392)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		1.543.965.229	31.939.937.157
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.543.804.738	31.939.334.740
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		160.491	602.417
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	47,92	718,00
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Trinh Thi Duyen

Phụ trách kế toán



Trinh Thi Duyen

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Phương pháp gián tiếp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.153.665.355</b>	<b>44.035.995.325</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(21.768.675.205)</b>	<b>(56.440.971.269)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	150.185.049	94.803.592
03	- Các khoản dự phòng	(261.987.091)	339.662.046
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(21.871.349.327)	(56.875.436.907)
06	- Chi phí lãi vay	214.476.164	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(19.615.009.850)</b>	<b>(12.404.975.944)</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(43.853.629.875)	16.046.309.336
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	1.738.950.494	1.762.588.232
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	39.206.359.403	(2.496.613.089)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	21.317.616	6.133.289
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	104.011.868.520
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.672.278.065)	(6.075.557.950)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(29.174.290.278)</b>	<b>100.849.752.394</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(398.535.390.000)	(83.494.651.300)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	388.417.300.000	126.694.651.300
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(4.165.000.000)	(322.975.100.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.100.000.000	121.012.600.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.871.349.327	56.875.436.907
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>15.688.259.327</b>	<b>(101.887.063.093)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	23.165.000.000	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(10.565.000.000)	(46.623.535)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>12.600.000.000</b>	<b>(46.623.535)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(886.030.951)</b>	<b>(1.083.934.234)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>1.857.465.888</b>	<b>2.941.400.122</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>971.434.937</b>	<b>1.857.465.888</b>

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Duyên

Phụ trách kế toán Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)

Trịnh Thị Duyên



Nguyễn Đức Hiếu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng  
Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/CP, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2023 là: 9 nhân viên.

Công ty có các chi nhánh sau:

#### Tên chi nhánh

#### Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội  
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Tầng 4, số 459 C phố Bạch Mai, P.  
Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà  
Nội

#### Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :



STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa
2	Công ty CP Chợ Mơ	49%	49%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính**

Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển TM Vinaconex gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần

Trong năm 2023, nguồn lợi nhuận đem lại cho Công ty chủ yếu là nguồn lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính liên quan đến chuyển nhượng cổ phần và đầu tư Trái phiếu.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



#### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các



bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.11. Doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

## **2.13. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;



- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

## 2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP. Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.



**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	658.286.030	353.521.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	313.148.907	1.503.944.401
<b>Cộng</b>	<b>971.434.937</b>	<b>1.857.465.888</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(3.483.598.954)</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(3.252.025.954)</b>
- Chứng khoán kinh doanh (*)	5.011.980.754	(3.483.598.954)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(3.483.598.954)</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(3.252.025.954)</b>

**(\*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh cuối kỳ**

- Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giám giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2023. Cụ thể như sau:

	SL CP	Giá gốc	Giá tại ngày 31/12/2023	Dự phòng
CP Công ty CP xăng dầu dầu khí Nam Định	231.573	21.643	6.600	3.483.598.954

**b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết (Xem chi tiết tại Phụ lục số 01)**

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Phải thu các phòng Giáo dục	2.171.055.467	2.529.074.965
Phải thu các trường	2.769.293.345	2.449.327.704
Các đối tượng khác	1.193.124.997	553.201.183
<b>Cộng</b>	<b>6.133.473.809</b>	<b>5.531.603.852</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	75.000.000	75.000.000
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH (1)	5.396.368.297	
Ông Nguyễn Duy Linh (2)	37.745.390.000	
Công Ty Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc		7.532.641
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Long	90.706.000	
Công Ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	16.710.930	
<b>Cộng</b>	<b>43.324.175.227</b>	<b>82.532.641</b>

(1) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ SMARTTECH để mua trái phiếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp WinCommerce theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 20122023/HD/SMT-DST ngày 20/12/2023. Số lượng mua: 5.396 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 VNĐ/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng: 5.396.368.297 VNĐ. Ngày 18/03/2024, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán trái phiếu số 1832024/2024/GDMBTP/SMARTTECH-DST-VCM với Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ SMARTTECH và đã có xác nhận về việc sở hữu trái phiếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp WinCommerce. Theo đó số lượng TP DST sở hữu là: 5.396 TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(2) Đây là khoản ứng trước cho Ông Nguyễn Duy Linh để mua trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 051222023/HDDC/NDL-DST ngày 05/12/2023. Số lượng mua: 3.275 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng: 39.245.390.000 VND. Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán trái phiếu số 1601/2024/GDMBTP/NDL-DST-HPX ngày 16/01/2024 và hợp đồng mua bán trái phiếu số 0111032024/GDMBTP/NDL-DST-HPX ngày 11/03/2024 với Ông Nguyễn Duy Linh và đã có xác nhận về việc sở hữu trái phiếu Công ty cổ phần đầu tư Hải Phát. Theo đó số lượng TP DST sở hữu là: 3.150 TP.

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH		-	16.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>-</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>105.339.735</b>	<b>-</b>	<b>199.200.114</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	-	-	50.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn (*)	100.339.735	-	199.150.114	-
<b>Cộng</b>	<b>105.339.735</b>	<b>-</b>	<b>199.200.114</b>	<b>-</b>

**(\*) Chi tiết số dư:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ Smarttech		42.082.192
Các khoản khác	100.339.735	157.067.922
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.339.735</b>	<b>199.150.114</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
Đỗ Thị Hường	14.980.188	4.494.056	14.980.188	4.494.056
Trường Mầm non Lộc Vượng	31.025.300	15.512.650	31.025.300	15.512.650
Trường Mầm non Hoa Sữa	18.910.400	9.455.200	18.910.400	9.455.200
KL Hưng Thịnh	351.849.331	194.069.331	-	-
Các đối tượng khác	19.943.300	9.971.650	19.943.300	9.971.650
<b>Cộng</b>	<b>436.708.519</b>	<b>233.502.887</b>	<b>84.859.188</b>	<b>39.433.556</b>



**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	4.392.993.588	-	2.654.043.094	(651.340.091)
	<b>4.392.993.588</b>	<b>-</b>	<b>2.654.043.094</b>	<b>(651.340.091)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiết phụ lục số 02

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ	-	700.003
- Chi phí chờ phân bổ	11.357.500	-
<b>Cộng</b>	<b>11.357.500</b>	<b>700.003</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ	21.425.928	53.401.041
<b>Cộng</b>	<b>21.425.928</b>	<b>53.401.041</b>

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiết phụ lục số 03.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Giáo dục Cảnh Điều	3.368.619.519	3.368.619.519	959.848.886	959.848.886
Công ty TNHH EDUCATION SOLUTION VN	-	-	165.442.400	165.442.400
Nhà sách giáo dục Bình Minh	-	-	347.639.400	347.639.400
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	1.445.959.641	1.445.959.641	1.888.957.105	1.888.957.105
Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	703.992.934	703.992.934	532.062.715	532.062.715
Các đối tượng khác	323.134.765	323.134.765	6.834.240	6.834.240
<b>Cộng</b>	<b>5.841.706.859</b>	<b>5.841.706.859</b>	<b>3.900.784.746</b>	<b>3.900.784.746</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Phát hành sách Ninh Bình		23.985.069
Nhà sách Thanh Hằng	6.433.010	
Các đối tượng khác	179.971	687.000
<b>Cộng</b>	<b>6.612.981</b>	<b>24.672.069</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		6.602.170	90.892.725	97.494.895		-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.181.894.561	508.579.916	6.672.278.065	41.140.810	6.059.337.222
Thuế Thu nhập cá nhân		22.545.139	122.616.823	146.308.071		
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	53.560.355	53.560.355		-
Các loại thuế khác		-	70.552.024	70.552.024		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	5.091.021	5.091.021		-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>12.211.041.870</b>	<b>851.292.864</b>	<b>7.045.284.431</b>	<b>41.140.810</b>	<b>6.059.337.222</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	25.078.000	8.925.000
Bảo hiểm xã hội	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	270.924.750	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.727.273	975.818.182
<b>Cộng</b>	<b>298.730.023</b>	<b>984.743.182</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Các cổ đông	323.000.000.000	100,0%	323.000.000.000	100,0%
	<b>323.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm trước VND	Năm nay VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>- Vốn góp cuối năm</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>323.000.000.000</b>



**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)**

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.300.000	32.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- Cổ phiếu phổ thông	81.000	81.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.219.000	32.219.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	53.618.207.947	49.809.284.204
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.678.207.947</b>	<b>49.839.284.204</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	51.087.029.202	47.182.461.309
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.909.092	8.191.818
<b>Cộng</b>	<b>51.097.938.294</b>	<b>47.190.653.127</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	1.208.181.582	258.373.799
- Lãi trái phiếu	-	4.921.702.768
- Chiết khấu thanh toán	1.153.001.124	449.002.550
-Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
-Lãi mua bán cổ phần	20.489.390.000	51.695.360.340
-Nhận cổ tức cổ phiếu kinh doanh	-	147.360.000
<b>Cộng</b>	<b>22.850.572.706</b>	<b>57.471.799.457</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	214.476.164	-
- Chiết khấu thanh toán	261.803.335	473.796.878
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	151.141.818	1.458.909.900
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	15.900.000.000	11.094.851.920
- Lỗ mua bán cổ phần	-	183.746.650
- Khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.527.421.317</b>	<b>13.211.305.348</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác bằng tiền	534.764.730	243.606.275
<b>Cộng</b>	<b>534.764.730</b>	<b>243.606.275</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	38.009.013	51.338.848
- Chi phí nhân công	4.478.326.335	2.872.999.424
- Chi phí khấu hao	150.185.049	94.803.592
- Thuế, phí, lệ phí	55.560.355	10.316.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.069.454	244.545.122
- Chi phí khác bằng tiền	445.444.340	586.404.697
- Chi phí dự phòng	327.819.690	45.425.632
<b>Cộng</b>	<b>5.982.414.236</b>	<b>3.905.833.670</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	40.972.728	1.413.727.705
<b>Cộng</b>	<b>40.972.728</b>	<b>1.413.727.705</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	263.368.766	171.137.148
- Khác	155.848.751	861.766
<b>Cộng</b>	<b>419.217.517</b>	<b>171.998.914</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.543.804.738	31.939.334.740
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.543.804.738	31.939.334.740
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.219.000	32.219.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>47,92</b>	<b>991,32</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	38.009.013	51.338.848
- Chi phí nhân công	4.478.326.335	2.872.999.424
- Chi phí khấu hao	150.185.049	94.803.592
- Chi phí dự phòng	327.819.690	45.425.632
- Thuế, phí, lệ phí	55.560.355	10.316.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.069.454	244.545.122
- Chi phí khác bằng tiền	980.209.070	830.010.972
<b>Cộng</b>	<b>6.517.178.966</b>	<b>4.149.439.945</b>



## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	971.434.937		1.857.465.888	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.238.813.544	(203.205.632)	5.730.803.966	(45.425.632)
Các khoản cho vay	-		16.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(3.483.598.954)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
Đầu tư dài hạn	56.000.000.000	-	80.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>68.222.229.235</b>	<b>(3.686.804.586)</b>	<b>108.600.250.608</b>	<b>(3.297.451.586)</b>

  

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác			6.140.436.882	4.885.527.928
<b>Cộng</b>			<b>6.140.436.882</b>	<b>4.885.527.928</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	971.434.937			971.434.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.238.813.544	-		6.238.813.544
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		56.000.000.000		56.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.222.229.235</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>68.222.229.235</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.465.888	-		1.857.465.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.730.803.966	-		5.730.803.966
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-		16.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		80.000.000.000		80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.600.250.608</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>108.600.250.608</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.140.436.882	-		6.140.436.882
<b>Cộng</b>	<b>6.140.436.882</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.140.436.882</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.885.527.928	-		4.885.527.928
<b>Cộng</b>	<b>4.885.527.928</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.885.527.928</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



### 30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 02/01/2024, Công ty có bổ nhiệm Bà Trịnh Thị Duyên giữ chức vụ phụ trách kế toán của Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Ông Đoàn Văn Cường.

'Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

#### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động dịch vụ	Đơn vị tính: VND	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	53.618.207.947	-	60.000.000		53.678.207.947
Chi phí bộ phận	51.087.029.202	-	10.909.092		51.097.938.294
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>2.531.178.745</b>	<b>-</b>	<b>49.090.908</b>		<b>2.580.269.653</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>					<b>6.517.178.966</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(3.936.909.313)
Doanh thu hoạt động tài chính					22.850.572.706
Chi phí tài chính					16.527.421.317
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết					145.668.068
Thu nhập khác					40.972.728
Chi phí khác					419.217.517
Thuế TNDN hiện hành					508.579.916
Thuế TNDN hoãn lại					101.120.210
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>1.543.965.229</b>

### 32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

#### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	Ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Smart Invest
Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex	Công ty sở hữu 9,47% CP của Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

- Giao dịch phát sinh trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	-
Nhận tiền cho thuê văn phòng	49.500.000	-
<b>Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex</b>		
Vay ngắn hạn	12.600.000.000	-
<b>Số dư các bên liên quan</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	VND	VND
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	16.500.000	-
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex	12.600.000.000	-

c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

	Mỗi quan hệ	Kỳ này
		VND
- Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	403.214.761
<b>Cộng</b>		<b>403.214.761</b>

(\*) Ngoài Ông Bùi Việt Dũng có thu nhập thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Điều hành cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu

Trịnh Thị Duyên

Phụ trách kế toán

Trịnh Thị Duyên

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)

Nguyễn Đức Hiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THẮNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**Phụ lục số 01****4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
<b>b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>306.317.738.235</b>	-	<b>302.007.070.167</b>	-
Công ty Cổ phần Chợ Mơ (1)	306.317.738.235	(*)	302.007.070.167	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>56.000.000.000</b>	-	<b>80.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex (2)	56.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>362.317.738.235</b>	-	<b>382.007.070.167</b>	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số CP	Mệnh giá/CP	Số CP	Mệnh giá/CP
<b>b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Chợ Mơ (1)	4.581.500	10.000	306.317.738.235	4.165.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex (2)	1.400.000	10.000	56.000.000.000	2.000.000
				10.000
				80.000.000.000
				302.007.070.167

(1) Trong năm 2022 đơn vị có thực hiện việc đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HĐCNCP ngày 31/8/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HĐCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HĐCNCP ngày 20/12/2022. Ngày 11/01/2023, DST chuyển tiền mua cổ phiếu do Công ty CP Chợ Mơ tăng vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2023, giá trị đầu tư vào công ty CP Chợ Mơ cụ thể như sau:

	Số lượng CP	Mệnh giá CP	Giá mua/CP	Tổng giá trị mua
Công ty CP Chợ Mơ				
Phần mua theo HĐ chuyển nhượng	4.165.000	10.000	72.500	301.962.500.000
Phần mua khi tăng vốn	416.500	10.000	10.000	4.165.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.581.500</b>	-	-	<b>306.127.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(2) Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển TM Vinaconex (VCTD) gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long (DST) về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty liên kết, Công ty khác của công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chợ Mơ	Số 12 ngõ 69 phố ái Mộ. - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội.	49,00%	49,00%	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9,47%	9,47%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục số 02****11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					<b>Tổng cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>	3.886.947.140	-	-	-	3.886.947.140
- Mua trong năm	-	443.051.818	-	-	443.051.818
- Đầu tư hoàn thành					
- Phân loại lại					
- Góp vốn bằng tài sản					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.886.947.140</b>	<b>443.051.818</b>	-	-	<b>4.329.998.958</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>	473.340.370	-	-	-	473.340.370
- Khấu hao trong năm	94.803.592	55.381.457	-	-	150.185.049
- Tăng khác					
- Phân loại lại					
- Góp vốn bằng tài sản					
- Thanh lý nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	<b>568.143.962</b>	<b>55.381.457</b>	-	-	<b>623.525.419</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.413.606.770	-	-	-	3.413.606.770
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.318.803.178</b>	<b>387.670.361</b>	-	-	<b>3.706.473.539</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục số 03****13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>12.600.000.000</b>	-	<b>23.165.000.000</b>	<b>10.565.000.000</b>	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (1)	12.600.000.000	-	23.165.000.000	10.565.000.000	-	-
Vay cá nhân	-	-	10.565.000.000	10.565.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.600.000.000</b>	-	<b>23.165.000.000</b>	<b>10.565.000.000</b>	-	-

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay:**

(1) Hợp đồng vay số 03/2023/HĐV/VCTD ngày 11/09/2023 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex và Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long:

- Số tiền vay: 12.600.000.000 VND

- Lãi suất: 5,7%/năm

- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày Tiền vay được Bên cho vay chuyển vào tài khoản của Bên vay

- Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên vay

- Số dư tại thời điểm 31/12/2023 là: 12.600.000.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục số 04****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối năm trước						
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173	
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lãi (lỗ) trong năm trước						602.416	31.939.937.156	
- Tăng khác						3.272.405.873	3.272.405.873	
- Giảm khác								
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>113.603.333</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>72.680.859.437</b>	<b>9.903.228</b>	<b>395.658.888.202</b>	
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	72.680.859.437	9.903.228	395.658.888.202	
- Tăng vốn trong năm nay								
- Lãi (lỗ) trong năm nay						160.491	1.543.965.229	
- Tăng khác								
- Trích lập các quỹ								
- Giảm khác						(64.344.946)	(64.344.946)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>113.603.333</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>74.160.319.229</b>	<b>10.063.719</b>	<b>397.138.508.485</b>	

